

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 431/2023/HC-PT

Ngày: 19 - 6 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện Quyết định thu hồi đất, Quyết định bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 27/2022/HC-ST ngày 21-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 566/2023/QĐPT ngày 05 - 5 - 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái C, sinh năm 1982 và ông Lê Văn N, sinh năm 1981. Cùng địa chỉ: D L, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T1 – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích của người bị kiện: Ông **Lê Văn B** - Trưởng phòng tài nguyên và Môi trường **huyện C** và ông **Ngô Minh P** - Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất **huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông/Bà **Hoàng Thị Hồng A**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **Ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai**. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung được tóm tắt như sau:

- **Người khởi kiện ông **Phạm Văn T** trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của ông **T** như sau:**

Ngày 15/10/2019, **UBND huyện C** ra Thông Báo để thông báo cho ông **Phạm Văn T** về việc Nhà nước thu hồi 3.440,3m² đất nông nghiệp tọa lạc tại **xã X, huyện C** để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn **P - D** thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn **huyện C, tỉnh Đồng Nai**.

Ngày 25/12/2019, **UBND huyện C** ban hành các Quyết định số 550/QĐ-UBND và 551/QĐ-UBND thu hồi 3.440,3 m² đất của ông **T** tọa lạc tại **xã X, huyện C**.

Ngày 25/12/2019, **UBND huyện C** ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc: “Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn **P - D** thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn **xã X, huyện C**”.

Ngày 15/3/2022, **UBND huyện C** ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND về việc “Về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ: Hỗ trợ bổ sung giá trị chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất bổ sung từ 04 làn xe lên 06 làn xe thuộc Dự án thành phần đầu tư xây dựng **đường C - D**, đoạn qua địa bàn **xã X, huyện C**” để bổ sung giá trị phần hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông **T** với diện tích 2.187,1m² đất.

Nay ông **T** khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 và Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của **UBND huyện C** về việc thu hồi đất, Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của **UBND huyện C** về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất. Đồng thời yêu cầu **UBND huyện C** ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư mới đúng, đủ theo quy định của pháp luật cho ông **Phạm Văn T**.

Căn cứ khởi kiện:

Ngày 15/10/2019, UBND huyện C ra Thông báo thu hồi đất của ông T nhưng đến ngày 25/12/2019 đã ban hành quyết định thu hồi đất. Như vậy, Quyết định thu hồi đất được ban hành sớm hơn 20 ngày so với quy định tại Điều 67 Luật Đất đai

Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ cho ông T là giá đất năm 2019, trong khi lẽ ra phải được áp dụng theo giá đất do UBND tỉnh Đ tại Quyết định số: 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định “Ban hành về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024” có hiệu lực ngày 01/01/2020 có đơn giá cao hơn.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai trình bày như sau:

Ngày 10/6/2016, UBND huyện C xây dựng Kế hoạch số 145/KH-UBND, Kế hoạch Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường C - P (đoạn qua địa bàn huyện C); Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 10/6/2016 về việc lập hồ sơ đề nghị ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường C - P (đoạn qua địa bàn huyện C); Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 10/6/2016 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường C - P (đoạn qua địa bàn huyện C).

Ngày 11/7/2016, UBND tỉnh Đ ban hành Văn bản số 5857/UBND-CNN về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường C - P đoạn qua địa bàn các xã S, X, N, Xuân B1, huyện C và xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 5858/TB-UBND, Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường C - P đoạn qua địa bàn xã S, X, N, Xuân B1, huyện C và xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 14/9/2016, Hội đồng Bồi thường huyện C ban hành Thông báo số 174/TB-HĐBT Thông báo về việc kiểm kê hiện trạng sử dụng đất. Hội đồng Bồi thường huyện C đã tiến hành kiểm kê hiện trạng sử dụng đất theo kế hoạch.

Tuy nhiên, Dự án xây dựng đường C - D có thay đổi quy mô từ 4 làn xe lên 6 làn xe và được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 và được Chính phủ thông qua việc triển khai Dự án tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Văn bản số 881/TTg-CN ngày 12/7/2018; Bộ G phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần tại Quyết định 2229/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018.

Ngày 02/10/2019 UBND tỉnh Đ ban hành văn bản số 11331/UBND-KTN về việc hủy bỏ các thông báo thu hồi đất, theo đó hủy bỏ Thông báo số 5858/TB-UBND

Ngày 15/10/2019, UBND huyện đã ban hành thông báo thu hồi đất và thông tin, công khai đến các hộ dân biết, phối hợp thực hiện.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 550/QĐ-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C. Trong đó thu hồi 925,9m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X; Quyết định số 551/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C. Trong đó thu hồi 2.154,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X do ông Phạm Văn T sử dụng là đúng thẩm quyền theo quy định của Nhà nước.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C với tổng số tiền là 1.411.186.307 đồng. Theo đó, UBND huyện đã thực hiện bồi thường đất nông nghiệp vị trí 4, diện tích 3.440,3m² cho ông Phạm Văn T với giá 300.000 đồng/m² là đúng quy định pháp luật.

Ngày 21/02/2022, UBND tỉnh Đ ban hành văn bản số 1729/UBND-KTNS về việc xử lý vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D. UBND huyện đã lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung trường hợp của ông Phạm Văn T.

Do năm 2019 quy mô dự án có thay đổi từ 4 làn xe lên 6 làn xe nên diện tích thông báo thu hồi đất và diện tích đất thu hồi đối với ông T có thay đổi, cụ thể:

+ Năm 2016: Thông báo thu hồi 1054,8m² đất tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X và thu hồi 198,4m² đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X.

+ Năm 2019: Thông báo thu hồi 2514,4m² đất tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X (tăng 1459,6m²) và thu hồi 925,9m² đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X (tăng 727,5m²).

Ngày 15/3/2022, UBND huyện C đã ban hành quyết định số 161/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ: Hỗ trợ bổ sung giá trị chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất bổ sung từ 04 làn xe lên 06 làn xe thuộc Dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C. Theo đó, UBND huyện đã phê duyệt

kinh phí hỗ trợ khác cho ông **Phạm Văn T** với số tiền là 349.936.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 26-7-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ Điều 66, 67, 69 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, 20, 21 Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 14, 15 của Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 của **UBND tỉnh Đ** quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 quy định về trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất, Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 sửa đổi một số phụ lục Đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đồng và Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi thu hồi đất của **UBND tỉnh Đ**, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; **Tuyên xử:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T** về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của **UBND huyện C** gồm:

+ Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất đối với ông **Phạm Văn T**;

+ Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất đối với ông **Phạm Văn T**;

+ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/7/2022, người khởi kiện – ông **Phạm Văn T** có Đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông **Phạm Văn T** làm trong hạn luật định

nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Phía người khởi kiện không đưa ra được căn cứ pháp luật và chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông **Phạm Văn T** làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về nội dung kháng cáo của ông **Phạm Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:**

[4.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính

Trên cơ sở Quyết định số 1597/QĐ-TTg ngày 26/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý và thực hiện dự án đầu tư, xây dựng **đường C - P** thí điểm theo hình thức đấu tác công tư (PPP); Văn bản số 265/TTg-KTN ngày 28/02/2014 về việc phê duyệt khung chính sách giải phóng mặt bằng và tái định cư và Quyết định số 1495/QĐ-BGTVT ngày 07/7/2011 **Bộ G** ban hành về việc phê duyệt đầu tư xây dựng **đường C - P** thí điểm theo hình thức đấu tác công tư (PPP).

Ngày 10/6/2016, **Ủy ban nhân dân huyện C** xây dựng Kế hoạch số 145/KH-UBND, Kế hoạch Thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm để thực hiện dự án đầu tư xây dựng **đường C - P** (đoạn qua địa bàn **huyện C**); Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 10/6/2016 về việc lập hồ sơ đề nghị ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án **đường C - P** (đoạn qua địa bàn **huyện C**); Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 10/6/2016 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án **đường C - P** (đoạn qua địa bàn **huyện C**).

Ngày 11/7/2016, **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** ban hành Văn bản số

5857/UBND-CNN về việc phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, kiểm đếm và ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án đường C - P đoạn qua địa bàn các xã S, X, N, Xuân B1, huyện C và xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; Thông báo số 5858/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư, xây dựng đường C - P đoạn qua địa bàn xã S, X, N, Xuân B1, huyện C và xã H, thị xã L, tỉnh Đồng Nai. Trong đó thu hồi diện tích khoảng 1.155.956,4m² tại xã S, X, N, X thuộc huyện C.

Hội đồng Bồi thường huyện C đã thực hiện xong công tác kiểm kê hiện trạng sử dụng đất.

Dự án xây dựng đường cao tốc P - D có thay đổi quy mô từ 4 làn xe lên 6 làn xe và được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 và được Chính phủ thông qua việc triển khai Dự án tại Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018; Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Văn bản số 881/TTg-CN ngày 12/7/2018; Bộ G phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần tại Quyết định 2229/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018.

Ngày 02/10/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành văn bản số 11331/UBND-KTN về việc hủy bỏ các thông báo thu hồi đất, theo đó hủy bỏ Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 15/10/2019, UBND huyện đã ban hành các Thông báo số 564/TB-UBND và 565/TB-UBND theo đó thông báo thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn T để thực hiện Dự án.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 550/QĐ-UBND thu hồi 925,9m² đất thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X và Quyết định số 551/QĐ-UBND thu hồi 2.154,4m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X đối với hộ ông Phạm Văn T.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất cho ông Phạm Văn T với tổng số tiền là 1.411.186.307 đồng.

Ngày 15/3/2022, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho ông Phạm Văn T với số tiền là 349.936.000.

Do đó, có cơ sở xác định UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về hợp pháp của các Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[4.2.1] Đối với các Quyết định thu hồi đất số 550/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 và số 551/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C

Ngày 11/7/2016, UBND tỉnh Đ ban hành Thông báo số 5858/TB-UBND về việc thu hồi diện tích đất khoảng 1.155.956,4m² tại xã S, X, N, X thuộc huyện C.

Ngày 10/01/2017 UBND huyện C đã tiến hành kiểm đếm đối với hộ ông Phạm Văn T.

Như vậy, tại thời điểm kiểm đếm gia đình ông T đã biết có thông báo về việc thu hồi diện tích 1054,8m² đất tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X và thu hồi 198,4m² đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi diện tích 3.440,3m² đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 18 và thửa 170 tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã X của hộ gia đình ông Phạm Văn T là đã đủ thời hạn hạn 90 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013 đối với phần diện tích đất đã thông báo thu hồi từ năm 2016, năm 2017.

Đối với phần diện tích đất thu hồi tăng thêm tổng cộng 2.187,1m²: Do dự án được mở rộng từ 4 làn đường lên 6 làn đường theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 ngày 22/11/2017 của Quốc hội và Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 28/3/2018. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành văn bản số 11331/UBND-KTN hủy bỏ Thông báo số 5858/TB-UBND, đến ngày 15/10/2019, UBND huyện C đã ban hành các Thông báo số 550/QĐ-UBND và số 551/TB-UBND nội dung thu hồi 2514,4m² đất tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã X (tăng 1459,6m²) và thu hồi 925,9m² đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã X (tăng 727,5m²) của hộ ông Phạm Văn T để thực hiện Dự án, phù hợp với quy mô dự án xây dựng từ 4 làn đường lên 6 làn đường.

Như vậy, khi chưa được sự đồng ý của ông T ngày 25/12/2019, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông T bao gồm cả diện tích thu hồi tăng thêm là chưa đảm bảo thời hạn thông báo 90 ngày quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013 đối với diện tích bị thu hồi tăng thêm tổng cộng là tổng cộng 2.187,1m².

Nhưng các hộ dân vẫn ủng hộ chủ trương của Nhà nước và để đảm bảo quyền lợi cho người dân do bị thu hồi thêm đất, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác đối với hộ ông T tổng số tiền kinh phí hỗ trợ là 349.936.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Tại văn bản số 11331/UBND-KTN hủy bỏ Thông báo số 5858/TB-UBND ngày 11/7/2016 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã xác định rõ do có quy định mới về thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất như vậy đây không phải là hủy bỏ

việc thu hồi đất. Căn cứ Điều 4 Mục 1 Quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì thẩm quyền ban hành Thông báo thu hồi đất tại thời điểm này là của Ủy ban nhân dân huyện C; Do đó việc người khởi kiện cho rằng với việc hủy bỏ Thông báo số 5858/TB-UBND xem như toàn bộ diện tích bị thu hồi năm 2019 đều vi phạm thời hạn thu hồi là không phù hợp.

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định, các quyết định nêu trên thu hồi 3.440,3m² đất nông nghiệp do ông T là chủ sử dụng tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 18 và thửa 170, tờ bản đồ số 18 bản đồ địa chính xã X để thực hiện Dự án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2.2] Đối với Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất ngày 25/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T xác nhận biên bản kiểm đếm đã ghi nhận đầy đủ chủng loại, số lượng công trình kiến trúc, cây trồng trên đất bị thu hồi, cũng như không có ý kiến gì về diện tích, vị trí đất bị thu hồi.

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm, xác nhận nguồn gốc đất của UBND cấp xã, ngày 25/12/2019 UBND huyện C ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất cho T với tổng số tiền là 1.411.186.307 đồng (*một tỷ bốn trăm mười một triệu một trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh bảy đồng*). Quyết định bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất đối với ông T là đúng trình tự thủ tục theo Quy định tại Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngày 15/3/2022 UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND căn cứ đơn giá năm 2020 để bổ sung phần chênh lệch đối với diện tích đất thu hồi tăng thêm, thành tiền 349.936.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Quyết định số 161/QĐ-UBND có phần hỗ trợ bổ sung giá trị chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất bổ sung nhưng lại căn cứ Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP là chưa phù hợp, bởi lẽ chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm thuộc trường hợp quy định tại Điều 20 của Nghị định 47/2014, nhưng Quyết định số 161/QĐ-UBND đã tính toán đầy đủ mức bồi thường giá trị đất, các chính sách hỗ trợ.

Tính đến thời điểm xét xử, hộ ông Phạm Văn T được Ủy ban nhân dân huyện T2 bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất theo các Quyết định hành chính gồm:

- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.411.186.307 đồng. Cụ thể:

+ Bồi thường, hỗ trợ đất trồng cây hàng năm vị trí 4: 1.032.090.000đ

- + Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc: 40.308.682đ
- + Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: 113.889.000đ
- + Chính sách hỗ trợ: 224.898.000đ (trong đó Hỗ trợ ổn định đời sống 6.480.000đ, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 206.418.000đ, thưởng do chấp hành tốt 12.0000.000đ)
- Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 15/3/2022: hỗ trợ bổ sung giá trị chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là 349.936.000đ.

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện C chỉ vi phạm về thời hạn thông báo đối với việc thu hồi diện tích đất tăng thêm (tăng 2.187,1m²) khi Dự án được mở rộng thêm 02 làn đường theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 thay đổi quy mô dự án từ 04 làn xe thành 06 làn xe. Nhưng sau đó Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 để hỗ trợ bổ sung phần tiền chênh lệch. Do đó, quyền lợi của người bị thu hồi đất trong trường hợp này đã được đảm bảo.

Từ các phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xác định trong quá trình thu hồi đất của hộ ông T để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D, Ủy ban nhân dân huyện C có sai sót trong việc ban hành Quyết định thu hồi khi chưa đảm bảo về thời hạn thu hồi đất đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi tăng thêm sau khi điều chỉnh quy mô dự án nhưng đã khắc phục, hỗ trợ bổ sung; có sai sót căn cứ pháp lý áp dụng khi ban hành Quyết định bổ sung giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm nhưng đã tính toán đầy đủ mức bồi thường giá trị đất, các chính sách hỗ trợ, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị thu hồi đất.

Xét về tổng thể thì quyền và lợi ích của người bị thu hồi đất gồm: mức bồi thường giá trị đất, các chính sách hỗ trợ đã được tính toán đầy đủ; người khởi kiện cũng xác định ủng hộ và chấp hành chủ trương thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D.

Từ các nhận định nêu tại các mục [4.1] và mục [4.2] có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xác định mặc dù Ủy ban nhân dân huyện C có sai sót nhưng quyền, lợi ích pháp của người bị thu hồi đất đã được đảm bảo nên việc hủy các Quyết định hành chính bị khởi kiện là không cần thiết là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4.3] Ông T kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của T. Nhưng trong quá trình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không xuất trình được chứng cứ nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T; Đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Phạm Văn T** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Phạm Văn T**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2022/HC-ST ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Văn T** về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính của **Ủy ban nhân dân huyện C** gồm:

+ Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất đối với ông **Phạm Văn T**;

+ Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc thu hồi đất đối với ông **Phạm Văn T**;

+ Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Phạm Văn T** phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được căn trừ với số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông **T** đã nộp theo Biên lai đóng tạm ứng án phí số 0000246 ngày 07/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông **Phạm Văn T** đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. *Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 19-6-2023./.*

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn